

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 - 11 - 2018.  
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Danh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hai.

Ông Phùng Hiếu Trung.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 323/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L - sinh năm: 1971 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số 10/8A, Q, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L1 - sinh năm: 1966 (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 10/8A, Q, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông L1 chung sống như vợ chồng từ năm 2005, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, lo làm ăn ngày qua ngày không có đi làm thủ tục đăng ký kết

hôn theo quy định. Bà L và ông L1 quen biết nhau khoảng 01 tháng thì ông L1 về sống chung với bà L tại nhà của bà L. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do có sự bất đồng về con chung, con riêng của vợ chồng, vì trước khi bà L và ông L1 chung sống mỗi người đều đã có gia đình riêng (*chồng bà L chết năm 2005*). Ngoài ra, thì ông L1 còn nhậu nhẹt, mỗi khi nhậu say thì kiếm chuyện la mắng, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm bà L. Từ năm 2015 đến nay bà L không còn sống chung với ông L1.

- Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông L1, bà L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông L1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày: 03/11/2006 (*hiện đang sống với bà L*). Khi ly hôn, bà L yêu cầu được quyền nuôi con chung; Bà L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà L xác định là có một căn nhà tại số: 10/8A, Q, khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn bà L và ông L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là ông Nguyễn Văn L1 trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L1 thống nhất theo lời trình bày của bà L về thời gian chung sống và nguyên nhân vợ chồng chung sống mà không đăng ký kết hôn. Ông L1 và bà L chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bà L tụ tập bạn bè đi chơi, thường xuyên vắng nhà, đi đâu không nói cho ông L1 biết, ông L1 hỏi đến thì bà L không giải thích mà còn kiếm chuyện gây gổ, cãi vã. Trong lúc gây gổ ông L1 giận nên có chửi mắng bà L lớn tiếng, bà L còn dùng những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm ông L1 và gia đình ông L1. Ngoài ra thì bà L không quan tâm lo lắng cho gia đình nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhưng ông L1 vẫn còn thương bà L .

- Nay ông L1 xác định vẫn còn tình cảm với bà L, ông L1 không đồng ý ly hôn bà L .

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày: 03/11/2006 (*hiện đang sống với bà L*). Trường hợp ly hôn, ông L1 đồng ý để cho bà L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông L1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Ông L1 xác định là có một căn nhà tại số: 10/8A, Q, Khóm 1, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp ly hôn ông L1 và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông L1 xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông L1.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà L và ông L1; bà L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn L1 là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L1.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn L1 chung sống như vợ chồng từ năm 2005, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”*

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến nay, bà L và ông L1 phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng bà L và ông L1 đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông L1 không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa bà L và ông L1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng với nhau về con riêng, con chung của mỗi người. Ông L1 thì thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện gây gổ, cự cãi và dùng những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm bà L, làm cho cuộc sống chung không có hạnh phúc. Về phía ông L1 cho rằng bà L thiếu sự quan tâm lo lắng cho gia đình thường tụ tập bạn bè đi chơi, làm gì không nói cho ông L1 biết. Trong lúc ông L1 uống rượu say giận nân có la mắng lớn tiếng đối với bà L, nhưng ông L1 xác định vẫn còn tình cảm với bà L, nên ông L1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống chăm sóc con chung, ông L1 không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do bà L và ông L1 không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông L1.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*

Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa bà L và ông L1 đã thực sự trầm trọng, trong cuộc sống vợ chồng giữa ông bà không có sự qua tâm chia sẻ cảm thông cho nhau, mặc dù ông L1 trình bày vẫn còn tình cảm với bà L nhưng giữa bà L và ông L1 cũng không có biện pháp gì hàn gắn tính cảm với nhau, nếu bà L, ông L1 tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc, hơn nữa quan hệ hôn nhân của bà L, ông L1 cũng không có giá trị về mặt pháp lý. Do đó, bà L yêu cầu tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông L1 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận bà L và ông L1 là vợ chồng.

- *Về nuôi con chung*: Bà L có yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 03/11/2006 (*hiện đang sống với bà L*); về phía ông L1 cũng đồng ý giao cháu T cho bà L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa bà L và ông L1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi của cháu T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà L và ông L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà L và ông L1 cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân và gia đình) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 71, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên Xử:**

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn L1.

2. *Về nuôi con chung*: Bà Trần Thị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày: 03/11/2006 (*hiện đang sống với bà L*). Bà Trần Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Văn L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ông Nguyễn Văn L1 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Không có.

5. *Về án phí*: Bà Trần Thị L nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân và gia đình); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004962 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn L1

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS TPS;
- UBND Phường 1, TPS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**Trần Quốc Danh**